

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ THỂ THAO KIM THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ THỂ THAO KIM THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM THANH EDUCATION AND SPORT EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KIM THANH E &SE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108357693

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 3 ngõ 111/67 tổ 13, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435668647

Fax:

Email: [thethaokimthanh@gmail.com](mailto:thethaokimthanh@gmail.com)

Website: [thethaokimthanh.vn](http://thethaokimthanh.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                 | 8299     |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; | 4663     |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310     |
| 5.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1812     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2220     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                | 4711     |
| 9.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                       | 7721     |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4741     |
| 11. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;<br>- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;<br>- Hoạt động của các khu giải trí.                   | 9329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê sân, bãi, dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Điều 19 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP quy định về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 14. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1811        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 16. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3240        |
| 17. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục                                                                                                                                                                                                                                             | 3290        |
| 18. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1820        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Điều 3 Nghị định 169/2016/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 20. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ trò chơi và đồ chơi làm từ mọi chất liệu (trừ bàn điều khiển trò chơi video, phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng)                                                                                                          | 4764        |
| 21. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                               | 4762        |
| 22. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312        |
| 23. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                               | 4763        |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Trừ: Đấu Giá                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 25. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4632        |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 27. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8129        |
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 30. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 106/2016/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao                                                                                                                                                                             | 9311        |
| 31. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. | 4649(Chính) |
| 32. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7729        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4771        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773 |
| 35. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bổ trợ, vở bài tập, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, truyện các loại giấy vở, thiết bị dạy và học, tranh ảnh bản đồ giáo dục, báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác, dụng cụ học tập, văn phòng phẩm. | 4761 |
| 36. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: - Phô tô tài liệu và dịch vụ in ấn                                                                                                                                                                                                                   | 8219 |
| 37. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4759 |
| 39. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 41. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3230 |
| 42. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 43. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại - Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                   | 4719 |
| 44. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722 |
| 45. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: - Sửa chữa máy móc, thiết bị văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3319 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5221 |
| 47. | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao<br>Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 106/2016/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao                                                                                                                                                                                          | 9312 |
| 48. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng.                                                                                                                                                        | 4659 |
| 49. | Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tổ chức các sự kiện thể dục, thể thao, văn hóa du lịch                                                                                                                                                                                                                | 9499 |
| 50. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2511 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN QUANG HUY   | Thôn Phú Mỹ, Xã Hồng Lý, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                                  | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 90.000.000            | 30,000    | B6062210                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                                  | Tổng số           | 9.000      | 90.000.000            | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN PHÓNG | thửa đất 200A, tờ bản đồ số 1, Tờ 13, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 12.000     | 120.000.000           | 40,000    | 0270850003<br>12                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                                  | Tổng số           | 12.000     | 120.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÃ VĂN ĐOÀN      | Xóm Mới, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 90.000.000            | 30,000    | 013121340                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                  | Tổng số           | 9.000      | 90.000.000            | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÓNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *03/05/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *027085000312*

Ngày cấp: *27/09/2017*

Nơi cấp: *cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *thửa đất 200A, tờ bản đồ số 01, tổ 13, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *tổ 13, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*